**PHẦN ĐỌC (Đọc hiểu văn bản)**

**Tiết …: NỖI NIỀM TƯƠNG TƯ**

Trích “Bích Câu kì ngộ”

(Vũ Quốc Trân)

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

Nhận biết và vận dụng những hiểu biết về đặc điểm của truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm (cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp, ngôn ngữ,...) để đọc hiểu đoạn trích truyện thơ.

**2. Kĩ năng**

*- Năng lực chung:* Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

*- Năng lực chuyên biệt:*

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Vũ Quốc Trân.

+ Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm truyện thơ Nôm.

+ Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**3. Phẩm chất**

- Trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương.

- Trân trọng những giá trị nhân văn vừa mang đặc điểm dân tộc, vừa mang tính phổ quát nhân loại; giữ gìn, phát huy di sản văn học của Việt Nam và thế giới.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, máy tính

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

- SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, bảng phụ, ...

# III. Tiến trình dạy học

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

**b. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

# c. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Em hãy kể tên truyện thơ Nôm mà em đã được học hoặc đã biết?  - Mỗi câu trả lời đúng, HS được 1 điểm tốt.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS suy nghĩ để chuẩn bị trả lời.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  GV gọi hs trả lời, HS khác nhận xét, GV chốt  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | + Truyện Kiều – Nguyễn Du  + Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu |

# HOẠT ĐỘNG 2. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung chính về tác giả và tác phẩm.

**b. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời của HS.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1. Hoạt động giới thiệu tri thức thể loại***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức về truyện thơ dân gian qua phiếu bài tập (HS làm từ ở nhà)*   |  |  | | --- | --- | | ***PHT 1*** | Một số tri thức về thể loại Truyện thơ Nôm | | Khái niệm |  | | Phân loại |  | | Cốt truyện |  | | Nhân vật |  | | Ngôn ngữ |  |   ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS sử dụng SGK, các nguồn tt (sách báo, mạng, ) chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  ***2. Hoạt động tìm hiểu tác giả Vũ Quốc Trân và văn bản “Nỗi niềm tương tư”***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  HS thuyết trình (đã chuẩn bị ở nhà): giới thiệu về tác giả, tác phẩm (PP hoặc bảng phu) theo câu hỏi gợi dẫn sau:  + Em hãy nêu những hiểu biết của mình về tác giả Vũ Quốc Trân?  + Em hãy cho biết thể loại của văn bản *“Nỗi niềm tương tư”?*  + Nêu vị trí, xuất xứ của văn bản *“Nỗi niềm tương tư”*?  + Theo em, đặt nhan đề đoạn trích là *“Nỗi niềm tương tư”* có hợp lí không? Vì sao?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*** HS sử dụng SGK, HL, chắt lọc kiến thức để tiến hành thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao (ở nhà),. Trên lớp xem lại nội dung đã chuẩn bị và các phương tiện để thuyết trình  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  GV mời HS có tinh thần xung phong thuyết trình sản phẩm; HS khác theo dõi, ghi chép, nhận xét, bổ sung... sau khi bạn thuyết trình xong  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | **1. Một số tri thức về thể loại Truyện thơ Nôm**  **- Khái niệm:**  + Được viết bằng chữ Nôm, phần lớn theo thể thơ lục bát  + Có sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình  + Phản ánh cuộc sống qua một cốt truyện với hệ thống nhân vật, sự kiện; bộc lộ thái độ, cảm xúc, tâm trạng của nhân vật, của tác giả  **- Phân loại**   |  |  | | --- | --- | | ***Truyện thơ Nôm bình dân*** | ***Truyện thơ Nôm bác học*** | | - Thường khuyết tên tác giả;  - Thường lấy đề tài, cốt truyện từ truyện dân gian như cổ tích;  - Ngôn ngữ thường nôm na, mộc mạc  - TP: Phạm Tải – Ngọc Hoa, Tống Trân – Cúc Hoa, Thạch Sanh,… | - Phần lớn có tên tác giả;  - Hay lấy đề tài, cốt truyện từ những tác phẩm cổ của Trung Quốc nhưng được người viết sáng tạo lại một cách độc đáo (Truyện Kiều – Nguyễn Du, Hoa tiên – Nguyễn Huy Tự, Nhị độ mai,…). Tuy nhiên, cũng có tác phẩm do tác giả sáng tạo, hư cấu (Sơ kính tân trang – Phạm Thái, Truyện Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu).  - Truyện thơ Nôm bác học, nhất là của dân tộc Kinh thường trau chuốt, điêu luyện về nghệ thuật. |   **- Cốt truyện:** Gặp gỡ - Thử thách – Đoàn tụ  **- Nhân vật:**  + Phân theo loại chính diện và phản diện (chính - tà, thiện - ác, tốt - xấu).  + Được miêu tả với những biểu hiện bên ngoài (diện mạo, hành động, ngôn ngữ đối thoại) hơn là với đời sống nội tâm (cảm xúc, suy tư, ngôn ngữ độc thoại).  + Tính cách nhân vật thường tĩnh tại, ít có sự vận động và phát triển, những tác động của hoàn cảnh có tác dụng làm rõ hơn tính cách đã được định hình.  **- Ngôn ngữ:**  + Ngôn ngữ gián tiếp (lời tác giả)  + Ngôn ngữ trực tiếp (lời nhân vật)  + Ngôn ngữ nửa trực tiếp (lời tác giả nhưng thể hiện cảm xúc, suy tư, giọng điệu nhân vật (lời tác giả và lời nhân vật đan xen vào nhau, khó lòng tách bạch),  => Truyện thơ Nôm hay sử dụng ngôn ngữ gián tiếp. Người kể chuyện thường ở ngôi thứ ba.  **2. Truyện thơ Nôm** ***Bích Câu kì ngộ***  **- Tác giả**  +Vũ Quốc Trân (?-?) thế kỉ XIX.  + Quê: Đan Loan – Bình Giang - Hải Dương  + Sống chủ yếu ở Hà Nội.  **- Văn bản**  + Thể loại:Truyện thơ Nôm, viết theo thể thơ lục bát.  + Vị trí, xuất xứ đoạn trích: “*Nỗi niềm tương tư”*  */* Trích từ tập truyện Nôm “*Bích Câu kì ngộ”*gồm 678 câu.  / Nằm ở phần đầu truyện thơ: Gặp gỡ  + Tóm tắt:  - Gặp gỡ - Gia biến – Đoàn tụ  - Đoạn trích Nỗi niềm tương tư diễn tả tâm trạng Tú Uyên sau lần gặp đầu tiên người đẹp Giang Kiều ở hội chùa Ngọc Hồ.  + Nhan đề đoạn trích*: Nỗi niềm tương tư* – Thể hiện tâm trạng trong tình yêu của tuổi trẻ với nỗi nhớ nhung da diết, mong đợi được gặp mặt người mình yêu. |
| ***2. Hoạt động đọc văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  ***???***  *- GV yêu cầu HS đọc đoạn văn bản*  *- Gv kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh qua một vài câu hỏi trong thẻ*  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  *HS nhận nhiệm vụ trên và chuẩn bị trình bày*  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  *GV gọi 1-2 HS đọc đoạn văn bản, HS khác lắng nghe và nhận xét, GV chốt*  *GV chỉ định 1-2 HS trả lời câu hỏi trong hộp. HS khác lắng nghe và nhận xét, GV chốt*  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | **2. Hoạt động đọc văn bản:** *Nỗi niềm tương tư*  **. Đọc văn bản (đọc và trả lời các câu hỏi** ở khung bên phải văn bản |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, ý nghĩa đoạn văn bản : tâm trạng tương tư – tình cảm rất nhân bản của con người; HS nắm được nghệ thuật miêu tả tâm trạng, sự kết hợp nhuần nhuyễn yếu tố tự sự và trữ tình

**b. Sản phẩm:** hoàn thành việc trả lời câu hỏi để đa mục tiêu trên

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***1.Đọc hiểu văn bản***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  HS hoạt động nhóm, thời gian 10 phút, sản phẩm thể hiện trên giấy nháp hoặc bảng phụ  Nhóm 1: Tìm hiểu về tâm trạng tương tư của Tú Uyên sau khi gặp người đẹp Giáng Kiều  Nhóm 2: Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của đoạn văn bản  Nhóm 3: Chỉ ra đặc điểm yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong truyện thơ Nôm  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS thực hiện hoạt động nhóm, thời gian 10 phút, làm ra nháp hoặc bảng phụ  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  GV chỉ định 1 thành viên của từng nhóm lần lượt báo cáo, HS cả lớp theo dõi, ghi chép, đưa ý kiến nhận xét, bổ sung, chỉnh sửa; nhóm trình bày phản hồi,  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV định hướng | **1. Đọc hiểu văn bản**  **a. Tâm trạng tương tư của nhân vật Tú Uyên sau lần đầu gặp gỡ người đẹp Giáng Kiều**  **- Bộc lộ qua suy tư**  *+ “Lần trăng ngơ ngẩn ra về”:* Chàng trai thơ thẩn bước đi khi nghĩ đến cô gái.  *“Nỗi nàng canh cánh nào quên”:* Trong đầu chàng trai toàn làn hình bóng lần gặp đầu tiên với cô gái.  => Tương tư ngay sau gặp gỡ. Si mê đến nỗi “ngơ ngẩn, đến nỗi đèn thông cháy đã cạn mà chàng vẫn thao thức, suy tư (phải chăng cô gái xinh đẹp đó là tiên nữ? biết khi nào được gặp lại?) đến không ngủ được “giấc hòe chưa nên”  **- Bộc lộ qua cử chỉ, hành động:**  + Từ “có” lặp lại 4 lần thể hiện những hành động bộc lộ nỗi niềm tương tư  *+ “Có khi gảy khúc đàn tranh/ Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân”:* Vừa đánh đàn vừa nhớ đến cô gái.  + *“Có khi chuộc chén rượu đào,.... Như xông mùi nhớ, lại gây giọng tình”:* Những lúc uống rượu chàng lại càng nhớ nhung hơn, nhờ hơi men mà chàng còn hình dung ra giọng của nàng.  + *“Có khi ngồi suốt năm canh”, “có đêm ngắm bóng trăng tàn…”* chỉ để mong ngóng có ngày được *“dã đề”* – chuyện trò thân tình với nàng.  **- Bộc lộ qua ngôn ngữ tự sự của người kể chuyện**  *“Ngổn ngang cảnh nọ tình kia...Sầu xuân riêng nặng một người tương tư”* Nỗi nhớ đã được bộc bạch nhưng vẫn ***ngổn ngang*** khôn nguôi ngoai.  => ***=>Dù chỉ mới gặp một lần mà chàng thư sinh Tú Uyên đã nhớ mãi không quên người con gái xinh đẹp tuyệt trần. Chàng ngày nhớ, đêm thương, lúc nào cũng canh cánh, da diết nhớ đến hình bóng nàng, mong đợi sớm gặp mặt ==> Biểu hiện của tình yêu sy mê ở tuổi trẻ***  **b. Nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật:**  - Sử dụng đa dạng, linh hoạt các biện pháp nghệ thuật:  + Nhân hóa: “Lần trăng ngơ ngẩn ra về”  + So sánh  “Hơi men không nhấp mà say  Như xông mùi nhớ, lại gây giọng tình.”  + Liệt kê: gảy khúc đàn, chuốc chén rượu đào, ngồi suốt năm canh, ngắm bóng trăng tàn…  + Câu hỏi tu từ: Bao giờ bến mới gặp đò?, Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau?...  + Ẩn dụ: hoa khuê các - người con gái cao sang; bướm giang hồ - chàng trai phiêu dạt khắp nơi…  + Biện pháp nghệ thuật nổi bật: Lặp cấu trúc “Có khi…” kết hợp với các điển tích điển cố mang đậm tính chất truyện nôm bác học  -> Tác dụng: giúp khắc họa một cách rõ nét, chân thực nỗi tương tư. Các cung bậc cảm xúc, nỗi nhớ da diết, không nguôi ngày đêm mơ tưởng đến bóng dáng người đẹp.  ***- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố tự sự và trữ tình:***  + Về yếu tố tự sự (yếu tố truyện): đoạn trích xoay quanh câu chuyện của chàng Tú Uyên sau khi gặp thiếu nữ xinh đẹp đã về nhà tương tư, thầm nhớ nhung.  + Về yếu tố trữ tình (yếu tố thơ): truyện tập trung bộc lộ yếu tố đó thông qua tâm trạng của nhân vật Tú Uyên. Đoạn trích là dòng tâm trạng, cảm xúc, tương tư của nhân vật trong tình yêu. Ngoài ra, chất trữ tình còn được bộc lộ qua khung cảnh thiên nhiên (thiên nhiên góp phần tô đậm tâm trạng) |
| ***2. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối***  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  ***Câu 1:***  ***So sánh 2 đoạn thơ nói về tâm trạng tương tư của Tú Uyên trong Nỗi niềm tương tư – Bích Câu kì ngộ và của Kim Trọng trong Truyện Kiều***  Lần trăng ngơ ngẩn ra về,  Đèn thông khêu cạn, giấc hòe chưa nên.  Nỗi nàng canh cánh nào quên,  Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là?*(Bích Câu kì ngộ)*  - Chàng Kim từ lại thư song  Nỗi nàng canh cánh bên lòng biết khuây.  Sầu đong càng lắc càng đầy  Ba thu dọn lại một ngày dài ghê. (Truyện Kiều)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | So sánh | Tú Uyên | Kim Trọng | | Điểm giống |  |  | | Điểm khác |  |  |   ***Câu 2: Hày bàn luận về vấn đề tương tư trong giới trẻ hiện nay, khi còn là học sinh TH***   |  |  | | --- | --- | | Tương tư và tuổi học trò |  | | Giới thuyết về vấn đề | Từ 3 đến 5 gạch đầu dòng | | Mặt tích cực |  | | Mặt tiêu cực |  | | Giải pháp |  |   ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS làm việc cặp đôi, cùng bàn, làm vào PHT. Thời gian 5 – 7 phút  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  GV chỉ định nhóm HS thuyết trình sản phẩm, nhóm HS khác nhận xét, GV chốt  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | **2. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối**  ***Câu 1:***   |  |  | | --- | --- | | ***Tú Uyên*** | ***Kim Trọng*** | | ***Giống: đều thể hiện nỗi niềm tương tư, si tình của một chàng trai về một người con gái*** |  | | *Khác:*  *- Ngẩn ngơ nhớ về người đẹp vừa mới gặp lần đầu*  *- Ngỡ là tiên, không mong được gặp lại nên càng tương tư, canh cánh, nhớ hết ngày lẫn đêm* | *- Nhớ đến sầu muộn*  *- Chưa được gặp nàng, cảm thấy một ngày dài như “ba thu” -> khát khao, nôn nóng mong nhanh được gặp nàng Kiều* |   ***Câu 2:***  HS chia sẻ quan điểm của bản thân, lý giải phù hợp, tích cực |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản *Nỗi niềm tương tư.* Từ đó, nắm được đặc điểm của thể loại truyện thơ Nôm và cách đọc hiểu truyện thơ Nôm

**b. Sản phẩm:**

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  HS làm việc cá nhân: Tổng kết lại, khái quát các giá trị nổi bật của văn bản về nội dung nghệ thuật  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS căn cứ vào kết quả đọc hiểu văn bản của tiết học, tự tổng kết giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  GV chỉ định HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét, GV chốt  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định*** | **1. Nội dung:** Đoạn trích nói về nỗi niềm tương tư, thương nhớ của Tú Uyên sau khi gặp người đẹp trong một lần du xuân ở chùa Ngọc Hồ  **2. Nghệ thuật:**  - Kết hợp nhuần nhuyễn yếu tố tự sự và trữ tình.  - Vận dụng linh hoạt các biện pháp nghệ thuật: so sánh, lặp cấu trúc, ... |

**\*Tài liệu tham khảo**